

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề gợi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Đi sở thú* (đi sở thú, *sẻ*, *xe quạ*, ...). Quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa **p, ph** (*pa nô*, *phở*, *cà phê*, *rạp chiếu phim*, ...).

- Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của **p, ph**; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn *pa*, *phi* và hiểu nghĩa của các từ *pa nô*, *phi ngựa*. Viết được các chữ **p, ph** và các tiếng, từ có **p, ph** (*pa nô*, *phi ngựa*). Đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng; đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng ở mức độ đơn giản. Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ được học có nội dung liên quan với nội dung bài học; **nói về pi-a-nô, pi-gia-ma, phấn viết bảng** qua các hoạt động mở rộng.

- **Năng lực:** Hình thành năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

- **Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. **Giáo viên:** Thẻ chữ **p, ph**; một số tranh ảnh minh họa kèm theo thẻ từ (*pa nô*, *pi-a-nô*, *cà phê*, *đĩa pha lê*, *cá rô phi*, ...); video clip về cảnh vui chơi ở sở thú/ công viên; tranh chủ đề.

2. **Học sinh:** Sách học sinh, vở Tập viết, viết chì, bảng con, ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

TIẾT 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: * <i>Mục tiêu:</i> Học sinh trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề gợi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề <i>Đi sở thú</i> (đi sở thú, <i>sẻ</i>, <i>xe quạ</i>, ...). Quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa p, ph (<i>pa nô</i>, <i>phở</i>, <i>cà phê</i>, <i>rạp chiếu phim</i>, ...). * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm đôi. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.	

Quản trò yêu cầu các bạn học sinh đọc từ ngữ, câu; viết âm chữ, từ; nói câu có từ ngữ có tiếng chứa *t, th, nh, r, tr, ia, ua, ura*.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, tìm đúng trang của bài học.

- Giáo viên giới thiệu tên chủ đề và chữ ghi tên chủ đề, yêu cầu học sinh nhận diện và đọc chữ mà học sinh đã học.

- Giáo viên yêu cầu học sinh trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề và tranh chủ đề gợi ra.

- Giáo viên yêu cầu học sinh nêu một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Đi sở thú*.

- Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh khởi động, nói về những sự vật có trong tranh liên quan đến **p, ph**.

- Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa âm **p, ph**.

- Giáo viên yêu cầu học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa **p, ph**).

- Giáo viên giới thiệu bài mới và viết bảng.

- Giáo viên nêu mục tiêu của bài học.

2. Khám phá:

* *Mục tiêu:* Học sinh nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của **p, ph**; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn *pa, phi* và hiểu nghĩa của các từ *pa nô, phi ngựa*. Viết được các chữ **p, ph** và các tiếng, từ có **p, ph** (*pa nô, phi ngựa*).

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.

* *Cách tiến hành:*

a. Nhận diện âm chữ mới:

a.1. Nhận diện âm chữ **p**:

- Học sinh mở sách học sinh trang 60.

- Học sinh nghe giáo viên giới thiệu tên chủ đề và quan sát chữ ghi tên chủ đề.

- Học sinh trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề và tranh chủ đề gợi ra.

- Học sinh nêu được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề như: *đi sở thú, pa nô, phố, phượng, sóc, sói, cá sấu, sư tử, quạ, xe, xem xiếc, gió, cụ già, giá vẽ*.

- Học sinh quan sát và nói: *phố, phim, pa nô, phở*.

- Học sinh nêu các tiếng tìm được: *pa, pi, phố, phở*.

- Học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được có chứa **p, ph**. Từ đó, học sinh phát hiện ra **p, ph**.

- Học sinh lắng nghe giáo viên giới thiệu bài, mục tiêu và quan sát chữ ghi tên bài.



- Giáo viên gắn thẻ chữ p lên bảng. - Giáo viên giới thiệu chữ p. - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc chữ p. a.2. Nhận diện âm chữ ph: Tiến hành tương tự như nhận diện âm chữ p. b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng: b.1. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ p: - Giáo viên gắn mô hình đánh vần tiếng pa lên bảng. - Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích tiếng pa. - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần theo mô hình tiếng pa. b.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ ph: Tiến hành tương tự như âm chữ p. c. Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa: c.1. Đánh vần và đọc trơn từ khóa pa nô: - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh từ pa nô. - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng khóa pa. - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc trơn từ khóa pa nô. c.2. Đánh vần và đọc trơn từ khóa phi ngựa: Tiến hành tương tự như từ khóa pa nô.	- Học sinh quan sát chữ pin thường, in hoa. - Học sinh đọc chữ p - Học sinh quan sát mô hình đánh vần tiếng pa. - Học sinh phân tích tiếng pa(gồm âm p, âm a). - Học sinh đánh vần: <i>pờ-a-pa</i>. - Học sinh quan sát từ pa nô, phát hiện tiếng khóa pa. - Học sinh đánh vần tiếng khóa: <i>pờ-a-pa</i>. - Học sinh đọc trơn từ khóa: pa nô.
Nghỉ giữa tiết	
d. Tập viết: d.1. Viết vào bảng con chữ p, pa nô, ph, phi ngựa: - Viết chữ p: Giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ p.  - Viết chữ pa nô: Giáo viên viết và phân tích cấu tạo của chữ pa (chữ p đứng trước, chữ a đứng sau).	- Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ p. - Học sinh viết chữ p vào bảng con. - Học sinh nhận xét bài viết của mình, của bạn; sửa lỗi nếu có. - Học sinh quan sát cách giáo viên viết chữ pa. - Học sinh viết chữ pa nô vào bảng con.

- <i>Viết chữ ph, phi ngựa</i>: Tương tự như viết chữ p, pa nô. d.2. <i>Viết vào vở tập viết</i>: - Giáo viên yêu cầu học sinh viết chữ p, pa nô, ph, phi ngựa vào vở Tập viết. - Giáo viên giúp đỡ học sinh yếu.	- Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có. - Học sinh viết chữ p, pa nô, ph, phi ngựa. - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có, tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.
--	--

TIẾT 2

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3. Luyện tập thực hành: * <i>Mục tiêu</i>: Học sinh đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng; đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng ở mức độ đơn giản. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức</i>: Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm. * <i>Cách tiến hành</i>: a. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng: - Giáo viên treo các tranh, hướng dẫn học sinh tìm từ có tiếng chứa âm chữ p, ph theo chiều kim đồng hồ. - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa p, ph. - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm nghĩa của các từ mở rộng. - Giáo viên hướng dẫn học sinh nói câu có chứa từ ngữ <i>phở</i> hoặc <i>phố</i>, <i>cà phê</i>, <i>pa tê</i>. - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm thêm chữ p, ph bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh. - Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu một số từ ngữ có tiếng chứa âm p, ph. b. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng:	 phở  phố  cà phê  pa tê - Học sinh quan sát tranh, tìm từ có tiếng chứa âm chữ p, ph (<i>phở</i>, <i>phố</i>, <i>cà phê</i>, <i>pa tê</i>). - Học sinh đánh vần và đọc trơn các từ: <i>phở</i>, <i>phố</i>, <i>cà phê</i>, <i>pa tê</i>. - Học sinh thảo luận, tìm nghĩa của các từ mở rộng: <i>phở</i>, <i>phố</i>, <i>cà phê</i>, <i>pa tê</i>. - Học sinh nói trong nhóm, vài học sinh nói trước lớp. - Học sinh tìm thêm chữ p, ph bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh. - Học sinh nêu, ví dụ: <i>phố xá</i>, <i>pha trà</i>, <i>pìn</i>, ... Nghỉ lễ, bé ở nhà. Vùa phi ngựa gỗ, bé vừa ca: - Là là là là. Ngựa phi ra phố.

- Giáo viên đọc mẫu bài đọc ứng dụng. - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc. - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng. - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghĩa của bài đọc ứng dụng: <i>Bé làm gì? Bé hát câu gì?</i>.	- Học sinh nghe giáo viên đọc mẫu. - Học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc. - Học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc ứng dụng. - Học sinh hiểu được nghĩa của bài đọc ứng dụng.
<i>Nghỉ giữa tiết</i>	
4. Hoạt động vận dụng: * <i>Mục tiêu:</i> Học sinh biết nói về <i>pi-a-nô, pi-gia-ma, phấn viết bảng</i>. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh. - Giáo viên hỏi gợi mở nội dung tranh: <i>Tranh vẽ những vật gì? Hãy giới thiệu một vật mà em biết và đã sử dụng?</i> - Giáo viên gợi ý và làm mẫu theo trình tự: tên vật, dùng để làm gì, dùng như thế nào, bảo quản như thế nào? - Giáo viên hướng dẫn học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng. - Giáo viên tổ chức cho học sinh nói trong nhóm, trước lớp câu có từ ngữ chứa tiếng có âm p, ph. 5. Hoạt động nối tiếp: - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại tiếng, từ có p, ph. Giáo viên dặn học sinh.	- Học sinh quan sát tranh và phát hiện được nội dung tranh. - Học sinh quan sát. - Học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng: nói về <i>pi-a-nô, pi-gia-ma, phấn viết bảng</i>. - Học sinh nói trong nhóm nhỏ, trước lớp tên các vật <i>pi-a-nô, pi-gia-ma, phấn viết bảng</i> và giới thiệu một trong 3 vật trên. - Học sinh nhận diện lại tiếng, từ có p, ph. - Học sinh nắm lại nội dung bài ở giờ tự học. - Học sinh chuẩn bị cho tiết học sau (bài s, x).

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nêu được biểu hiện của sự quan tâm, chăm sóc anh chị em trong gia đình; nhận biết được sự cần thiết của việc quan tâm, giúp đỡ nhau giữa anh chị em trong gia đình.

- Thể hiện được sự quan tâm, giúp đỡ anh chị em trong gia đình bằng một số việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

- **Năng lực chú trọng:** Nêu được một số biểu hiện quan tâm, giúp đỡ nhau của anh chị em trong gia đình; biết vì sao anh chị em phải quan tâm, giúp đỡ nhau; phân biệt được thái độ, hành vi anh chị em quan tâm, giúp đỡ nhau hay không quan tâm, giúp đỡ nhau; khắc phục những hành vi chưa nhường nhịn, giúp đỡ nhau giữa anh chị em trong gia đình; biết được những ưu điểm, hạn chế của bản thân trong việc quan tâm, giúp đỡ anh chị em.

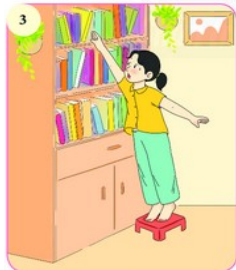
- **Phẩm chất:** Nhân ái, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. **Giáo viên:** Sách Đạo đức; các tranh trong sách học sinh (phóng to); bài hát “Làm anh khó đấy” nhạc của Nguyễn Đình Khiêm; thơ của Phan Thị Thanh Nhân.

2. **Học sinh:** Sách học sinh, Vở bài tập Đạo đức lớp 1, Kể chuyện Đạo đức lớp 1;

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3. Hoạt động luyện tập: 3.1. Hoạt động 1. Xử lý tình huống: * <i>Mục tiêu:</i> Giúp học sinh nhận biết được sự cần thiết của việc quan tâm, giúp đỡ nhau giữa anh chị em trong gia đình. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Trực quan, đàm thoại. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên tổ chức để học sinh tìm ra cách thức quan tâm, giúp đỡ người thân trong những tình huống khác nhau của 4 hình: Hình 1: Anh trai đi học nhưng để quên hộp bút trên bàn. Hình 2: Em bé đang bò chơi cạnh vũng nước bẩn giữa nhà. Hình 3: Em/chị gái vừa đi về bị ướt mưa. Hình 4: Anh trai đi đá bóng về bị chấn thương, trầy xước chân. 3.2. Hoạt động 2. Liên hệ bản thân:: * <i>Mục tiêu:</i> Giúp học sinh tự liên hệ bản thân. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Kể chuyện, đàm thoại. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên yêu cầu học sinh kể về anh chị hoặc em gái, em trai của mình, qua đó khơi dậy lòng yêu thương, biết quan tâm của anh chị em trong gia đình (cần lưu ý đến các học sinh có hoàn cảnh đặc biệt). - Giáo viên yêu cầu học sinh cho biết mình đã quan tâm, giúp đỡ anh chị em trong gia đình chưa. Nếu chưa thì cần	  - giúp đỡ như thế nào?   - Học sinh kể về anh chị hoặc em gái, em trai của mình, qua đó khơi dậy lòng yêu thương, biết quan tâm của anh chị em trong gia đình. - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.

phải làm gì? Đây là hoạt động vừa có tính liên hệ vừa có tính tự nhắc nhở đối với cá nhân học sinh, vì vậy giáo viên cần khích lệ ý thức tự giác của các em, sao cho việc em cần làm sắp tới không phải là sự bắt buộc mà là tự nhận thức, để thể hiện sự quan tâm, yêu thương đối với anh chị em của mình.

4. Hoạt động thực hành :

4.1. Hoạt động 1. Vẽ tranh hoặc trang trí thiệp để tặng anh, chị hoặc em của em (7-8 phút):

* *Mục tiêu:* Giúp học sinh vẽ tranh hoặc trang trí thiệp để tặng anh, chị hoặc em của mình.

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* **Trực quan, vẽ tranh.**

* *Cách tiến hành:*

- Giáo viên tổ chức cá nhân hoá hoạt động này bằng cách yêu cầu từng học sinh vẽ tranh dựa vào sở thích, hoàn cảnh gia đình của từng em cho phù hợp.

4.2. Hoạt động 2. Thực hiện lời nói, động tác phù hợp (6-7 phút):

* *Mục tiêu:* Giúp học sinh thực hiện những lời nói, hành động thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ anh chị em trong gia đình.

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* **Thực hành, sắm vai.**

* *Cách tiến hành:*

- Giáo viên tổ chức cho học sinh sắm vai các tình huống: *Buộc dây giày giúp em; Chải đầu, tết tóc cho em; Hỏi thăm khi anh, chị bị ốm; Chia vui với thành tích học tập của anh, chị.*

- Giáo viên có thể điều chỉnh, uốn nắn trực tiếp để đạt được hiệu quả cao hơn.

5. Hoạt động nối tiếp sau bài học:

Kết thúc bài học, giáo viên cho học sinh học thuộc lòng câu ca dao: *Anh em như thể chân tay; Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần;* chuẩn bị bài sau.



- Học sinh sắm vai, vừa thực hiện, vừa nói (kết hợp hành động và lời nói).

Anh em như thể chân tay
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.
(Ca dao)

Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.

Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt lớp 1 tuần 06

CHỦ ĐỀ 6: ĐI SỞ THỨ

BÀI 2: S s X x (tiết 3-4, sách học sinh, trang 62-63)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa **s, x**.

- Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của **s, x**; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn các từ *sur tử, xe ngựa*. Viết được các chữ **s, x** và các tiếng, từ có **s, x** (*sur tử, xe ngựa*). Đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng; đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng mức độ đơn giản. Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ được học có nội dung liên quan với nội dung bài học. **Nói những điều em biết** về *sur tử, cá sấu, sóc, sói; cây xà cừ, cây xương rồng, ...* thông qua các hoạt động mở rộng.

- **Năng lực:** Hình thành năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

- **Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. **Giáo viên:** Thẻ chữ **s, x** (in thường, in hoa, viết thường); một số tranh ảnh minh họa kèm theo thẻ từ (đi sở thú, *xem, xe, sur tử, sóc, cá sấu, số 6*); tranh chủ đề.

2. **Học sinh:** Sách học sinh, vở Tập viết, viết chì, bảng con, ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

TIẾT 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: * <i>Mục tiêu:</i> Học sinh quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa s, x. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm đôi. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên tổ chức trò chơi “<i>Truyền điện</i>”. Giáo viên yêu cầu học sinh đọc từ ngữ, câu; viết âm chữ, từ; nói câu có từ ngữ có tiếng chứa p, ph. - Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, tìm đúng trang của bài học. - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa s, x. - Giáo viên yêu cầu học sinh nêu các tiếng tìm được có âm s, x. - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa s, x).	 - Học sinh mở sách học sinh trang 62. - Học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa s, x như: <i>đi sở thú, xem, xe, sur tử, sóc, cá sấu, số 6</i>. - Học sinh nêu: <i>sấu, sóc, sẻ, sáu, sur; xe, xem</i>. - Học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được có chứa s, x. Từ đó, học

- Giáo viên giới thiệu bài mới và viết bảng.
- Giáo viên nêu mục tiêu của bài học.

2. Khám phá:

* *Mục tiêu:* Học sinh nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của **s, x**; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn các từ *sư tử*, *xe ngựa*. Viết được các chữ **s, x** và các tiếng, từ có **s, x** (*sư tử*, *xe ngựa*).

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.

* *Cách tiến hành:*

a. Nhận diện âm chữ mới:

a.1. Nhận diện âm chữ s:

- Giáo viên gắn thẻ chữ s lên bảng.
- Giáo viên giới thiệu chữ s.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc chữ s.

a.2. Nhận diện âm chữ x:

Tiến hành tương tự như nhận diện âm chữ s.

b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng:

b.1. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ s:

- Giáo viên gắn mô hình đánh vần tiếng **sư** lên bảng.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích tiếng **sư**.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần theo mô hình tiếng **sư**.

b.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ x:

Tiến hành tương tự như với âm chữ s.

c. Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa:

c.1. Đánh vần và đọc trơn từ khóa **sư tử**:

- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh từ **sư tử**.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng khóa **sư**.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc trơn từ khóa **sư tử**.

c.2. Đánh vần và đọc trơn từ khóa **xe ngựa**:

Tiến hành tương tự như từ khóa **sư tử**.

sinh phát hiện ra **s, x**.

- Học sinh lắng nghe giáo viên giới thiệu bài, mục tiêu và quan sát chữ ghi tên bài.



sư tử



xe ngựa

- Học sinh quan sát chữ sin thường, in hoa.

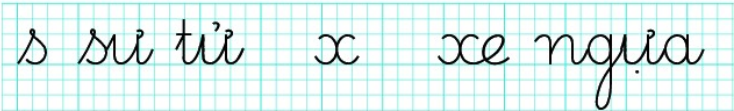
- Học sinh đọc chữ s.

- Học sinh quan sát mô hình đánh vần tiếng **sư**.

- Học sinh phân tích tiếng **sư** (gồm âm s, âm **ư**).

- Học sinh đánh vần: s-ờ-ư-sư.

- Học sinh quan sát từ **sư tử** phát hiện tiếng

	khóa su và âm s trong tiếng khoá su . - Học sinh đánh vần: <i>sờ-ư-su</i> . - Học sinh đọc trơn từ khoá su tử .
Nghỉ giữa tiết	
d. Tập viết: d.1. Viết vào bảng con chữ s, su tử, x, xe ngựa: - Viết chữ s: Giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ s.  - Viết chữ su tử: Giáo viên viết và phân tích cấu tạo của chữ su (chữ đứng trước, chữ ư đứng sau). - Viết chữ x, xe ngựa: Tiến hành tương tự như viết chữ s, su tử. d.2. Viết vào vở tập viết: - Giáo viên yêu cầu học sinh viết chữ s, su tử, x, xe ngựa vào vở Tập viết. - Giáo viên giúp đỡ học sinh yếu.	- Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ s. - Học sinh viết chữ s vào bảng con. - Học sinh nhận xét bài viết của mình, của bạn; sửa lỗi nếu có. - Học sinh quan sát cách giáo viên viết chữ su. - Học sinh viết chữ su tử vào bảng con. - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có. - Học sinh viết chữ s, su tử, x, xe ngựa. - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có, tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.
TIẾT 2	
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh

3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn :

* *Mục tiêu:* Học sinh đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng; đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng mức độ đơn giản. Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ được học có nội dung liên quan với nội dung bài học.

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.

* *Cách tiến hành:*

a. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng:

- Giáo viên treo các tranh, hướng dẫn học sinh tìm từ có tiếng chứa âm chữ **s, x**.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa **s, x**.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm nghĩa của các từ mở rộng.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh nói câu có chứa từ ngữ *sẻ mủ* hoặc *chó xù*, *su su*, *xô nhựa*.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm thêm chữ **s, x** bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu một số từ ngữ có tiếng chứa âm **s, x**.

b. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng:

- Giáo viên đọc mẫu bài đọc ứng dụng.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc ứng dụng.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung của bài đọc: *Ai đưa cả nhà đi sở thú? Sở thú có những con gì?*



sẻ



chó xù



su su



xô nhựa

- Học sinh quan sát tranh, tìm từ có tiếng chứa âm chữ **s, x** (*sẻ, chó xù, su su, xô nhựa*).
- Học sinh đánh vần và đọc trơn các từ: *sẻ, chó xù, su su, xô nhựa*.
- Học sinh thảo luận, tìm nghĩa của các từ mở rộng: *sẻ, chó xù, su su, xô nhựa*.
- Học sinh nói trong nhóm, vài học sinh nói trước lớp.
- Học sinh tìm thêm chữ **s, x** bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh.
*Bà đưa cả nhà đi sở thú.
Sở thú có cò, rùa, khỉ, thỏ,
sinh nài, ví dụ: sáo, sông, xinh, ...*
- Học sinh nêu ví dụ: *sáo, sông, xinh, ...*

- Học sinh nghe giáo viên đọc mẫu.
- Học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.
- Học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc ứng dụng.
- Học sinh tìm hiểu nội dung của bài đọc ứng dụng.

Nghỉ giữa tiết

4. Hoạt động vận dụng:

* *Mục tiêu:* Học sinh biết nói những điều em biết về sư tử, cá sấu, sóc, sói; cây xà cừ, cây xương rồng.

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi.

* *Cách tiến hành:*

- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh.
- Giáo viên đặt câu hỏi gợi ý tìm hiểu nội dung: *Tranh vẽ những ai? Họ đang làm gì?*
- Giáo viên hướng dẫn học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng.
- Giáo viên gợi ý cho học sinh: Tìm tên con vật, tên cây; con vật hoặc cây được nói đến như thế nào; ưu tiên con vật/ cây có thể thấy ở sở thú/thảo cầm viên hoặc quen thuộc, gần gũi, có âm **s, x** mở đầu.

5. Hoạt động nối tiếp:

- Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại tiếng, từ có **s, x**.

Giáo viên dặn học sinh.



- Học sinh quan sát tranh.
- Học sinh trả lời các câu hỏi của giáo viên và phát hiện được nội dung tranh.
- Học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng: Nói những điều em biết về sư tử, cá sấu, sóc, sói; cây xà cừ, cây xương rồng.
- Học sinh nói trong nhóm và trước lớp về con vật/ cây có âm **s/ x**.
- Học sinh nhận diện lại tiếng, từ có **s, x**.
- Học sinh nắm lại nội dung bài ở giờ tự học.
- Học sinh chuẩn bị cho tiết học sau (bài **q, qu, y**).

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nắm được kiến thức về các dấu $=$, $>$, $<$.
- Nhận biết, đọc và viết các dấu $=$, $>$, $<$; sử dụng được các dấu $<$, $=$, $>$ để so sánh các số trong phạm vi 5.

- **Năng lực chú trọng:** Tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

- **Phẩm chất:** Nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. **Giáo viên:** Sách Toán lớp 1; bộ thiết bị dạy toán; bảng phụ, bảng nhóm; bộ thẻ chữ số và 4 thẻ dấu; hình vẽ cho phần Thử thách; 5 khối hộp chữ nhật, 5 khối lập phương (phần củng cố); ...

2. **Học sinh:** Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con; ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động: * <i>Mục tiêu:</i> Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động; ôn lại kiến thức cũ. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Trò chơi. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên cho cả lớp chơi trò chơi “Hỏi nhanh, đáp gọn”, yêu cầu học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi như: để so sánh hai số, em dựa vào đâu? So sánh 3 và 1; 4 và 2; 5 và 5; ... 2. Khám phá: * <i>Mục tiêu:</i> Giúp học sinh nhận biết, đọc và viết các dấu $=$, $>$, $<$; sử dụng được các dấu $<$, $=$, $>$ để so sánh các số trong phạm vi 5.	- Học sinh cả lớp thực hiện trò chơi. 

* *Phương pháp, hình thức tổ chức*: Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.

* *Cách tiến hành*:

2.1. Giới thiệu dấu =:

- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát hình vẽ bên trái và yêu cầu: Các con hãy so sánh số đĩa và số tách.

+ Các con tiếp tục so sánh số hình vuông và số hình tròn.

+ Có mấy hình vuông? Giáo viên viết 3 lên bảng lớp.

+ Có mấy hình tròn? Giáo viên viết 3 lên bảng lớp.

- Giáo viên chỉ vào cặp số vừa viết trên bảng lớp (3 3) vừa yêu cầu: “Các con hãy so sánh 3 và 3”.

- Giáo viên: Để viết 3 bằng 3, ta dùng dấu =, giáo viên viết dấu = vào giữa hai số 3 ($3 = 3$).

- Giáo viên ta đọc: ba bằng ba.

- Giáo viên viết trên bảng lớp một vài trường hợp, chỉ định học sinh đọc.

2.2. Giới thiệu dấu >, <:

a. Dấu >:

Thực hiện tương tự như giới thiệu dấu =.

- Giáo viên yêu cầu học sinh: “Các con hãy so sánh số đĩa và số tách”.

- Giáo viên: Các con tiếp tục so sánh số hình vuông và số hình tròn”.

- Giáo viên chỉ vào cặp số (đã viết sẵn trên bảng lớp 4-3): Hãy so sánh 4 và 3.

- Giáo viên: Để viết 4 lớn hơn 3, ta dùng dấu lớn hơn, giáo viên viết vào giữa hai số: $4 > 3$.

- Giáo viên yêu cầu học sinh đọc một vài trường

- Học sinh quan sát hình vẽ bên trái và trả lời: mỗi tách đều có đĩa lót bên dưới, số đĩa và số tách bằng nhau.

+ Học sinh: 1 hình vuông nối với 1 hình tròn, số hình vuông bằng số hình tròn.

+ Học sinh: 3 hình vuông.

+ Học sinh: 3 hình tròn.

+ Học sinh: ba bằng ba.

- Học sinh đọc: ba bằng ba.

- Học sinh đọc: hai bằng hai; bốn bằng bốn; một bằng một.

- Học sinh: 3 tách có đĩa lót bên dưới, 1 tách không có đĩa lót bên dưới. Vậy số tách nhiều hơn số đĩa.

- Học sinh: 1 hình vuông nối với 1 hình tròn, số hình vuông nhiều hơn số hình tròn.

- Học sinh: 4 lớn hơn 3.

- Học sinh đọc: bốn lớn hơn ba.

hợp.

b. Dấu <:

Thực hiện tương tự như trên.

c. Thực hành sử dụng dấu <, >:

Giáo viên thực hiện trò chơi:

* Lần chơi thứ nhất:

- Giáo viên gắn sẵn bốn thẻ dấu trên bảng lớp:

< > > <



* Lần chơi thứ hai:

- Giáo viên gắn sẵn các cặp số trên bảng lớp.

* Lần chơi thứ ba:

- Giáo viên yêu cầu học sinh dùng hai thẻ chữ số và một thẻ dấu để so sánh số.

d. Vui học: Cách dùng hai dấu > và <:

- Giáo viên đưa tay làm miệng cá sấu,

- Giáo viên giới thiệu, tay trái: dấu bé hơn, tay phải: dấu lớn hơn.

- Thực hành: Giáo viên nói (bé hơn, lớn hơn)

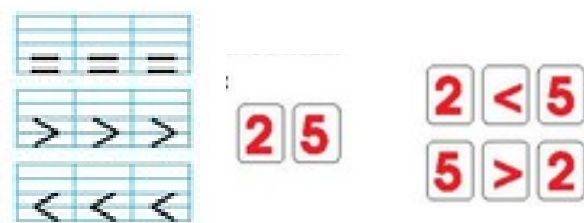
- Giáo viên đưa tay – Học sinh nói.

- Giáo viên đặt tay vào giữa hai số (đã viết trên bảng)

3 < 5 5 > 3

- Thực hành: Giáo viên viết sẵn một vài cặp số trên

- Học sinh đọc: bốn lớn hơn hai, năm lớn hơn ba, ba lớn hơn một, ...



- Mỗi lần bốn học sinh lên, mỗi học sinh đứng ở một dấu < > > <

- Mỗi học sinh nhận hai thẻ chữ số khác nhau. theo hiệu lệnh của giáo viên, mỗi bạn gắn hai thẻ vào vị trí thích hợp.

- Ví dụ: $4 < 5$ $5 > 1$ $3 > 2$ $2 < 4$

- Học sinh dưới lớp nhận xét, cổ vũ và đọc: bốn bé hơn năm, năm lớn hơn một, ...

- Học sinh dùng thẻ dấu đặt vào vị trí thích hợp.

- Học sinh dùng hai thẻ chữ số và một thẻ dấu để so sánh số.

- Học sinh làm theo:

- Học sinh đưa tay.

- Học sinh nói.

- Học sinh nói: Hà hòng bên nào bên đó lớn.

bảng lớp.	- Học sinh lên bảng, đặt tay vào giữa từng cặp số.
<i>Nghỉ giữa tiết</i>	
3. Thực hành viết các dấu =, >, <: a. Dấu =: - Giáo viên phân tích các nét, hướng dẫn cách viết.  b. Dấu >, <: Tiến hành tương tự dấu =. 4 Vận dụng: * <i>Mục tiêu:</i> Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> ôn tập, trò chơi. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên tổ chức trò chơi “đố bạn”: 5. Hoạt động nối tiếp: * <i>Mục tiêu:</i> Tạo điều kiện để phụ huynh kết nối việc học tập của học sinh ở trường và ở nhà, giúp cha mẹ hiểu thêm về con em. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Tự học. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên hướng dẫn học sinh so sánh các vật	- Học sinh dùng ngón tay đồ theo các nét ở miệng cá sấu (sách học sinh trang 36). - Học sinh dùng ngón tay tô khan trên bảng con. - Học sinh dùng bút/phấn viết trên bảng con (mỗi dấu ba lần). - Học sinh dùng hình trong bộ thực hành để đố nhau: Học sinh để lên bàn 2 tam giác, 1 khối hộp chữ nhật, rồi đố bạn so sánh “Số tam giác nhiều hơn khối hộp chữ nhật”. - Học sinh thực hiện ở nhà.

trong gia đình cho người thân cùng xem.	
---	--

TRƯỜNG HỌC

BÀI 6: TRƯỜNG HỌC CỦA EM (tiết 1, sách học sinh, trang 28-29)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết mình đang học lớp nào, trường nào.
- Nói được tên và địa chỉ của trường. Xác định được vị trí của các phòng chức năng, một số khu vực của nhà trường như sân chơi, bãi tập, vườn trường, khu vệ sinh,... Xác định được các thành viên trong trường học và thể hiện được cách ứng xử phù hợp với bạn bè, giáo viên và các thành viên khác trong nhà trường.
- **Năng lực chú trọng:** Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- **Phẩm chất:** Hình thành tình cảm kính trọng thầy cô, yêu quý bạn bè; có ý thức sử dụng tiết kiệm, giữ gìn, bảo quản tài sản của trường, có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây trong trường, giữ vệ sinh môi trường; tham gia các công việc ở trường vừa sức với bản thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. **Giáo viên:** Sách Tự nhiên và Xã hội; tranh ảnh hoặc đoạn phim ngắn về quang cảnh, các khu vực, phòng ban của trường học, một số bộ trang phục: áo dài, trang phục y tế,...

2. **Học sinh:** Sách học sinh, vở bài tập; ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động : * <i>Mục tiêu:</i> Tạo hứng thú và khơi gợi cho học sinh sự gắn kết với trường lớp, từ đó dẫn dắt vào bài mới. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Trò chơi. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên tổ chức cho học sinh cùng hát bài “Đi học”, nhạc Bùi Đình Thảo, thơ Hoàng Minh Chính. - Giáo viên nhận xét chung và dẫn dắt vào bài học “Trường học của em”. 2. Hoạt động khám phá: * <i>Mục tiêu:</i> Giúp học sinh nói được tên các phòng chức năng và một số khu vực của trường học. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Trực quan, Đàm thoại, gợi mở - vấn đáp, thảo luận nhóm.	- Học sinh cùng hát.  The illustration shows a school building with a red flag on a pole. A sign above the entrance reads 'TRƯỜNG TIỂU HỌC TRUNG LẬP THƯỢNG'. Two children are standing in front of the school, and a speech bubble from one child says 'Mình dẫn bạn đi tham quan trường nhé!'. The school is surrounded by green trees.

*** Cách tiến hành:**

- Giáo viên giới thiệu tranh vẽ trường học của bạn An, kể chuyện dẫn dắt học sinh: *Lớp An vừa có một bạn mới. An đang dẫn bạn tham quan trường học của mình.*

- Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh, thảo luận để kể tên các khu vực chính và xác định vị trí các phòng chức năng trong trường bạn An: *Hãy kể tên các khu vực chính trong trường học của bạn An. Trường bạn An có các phòng nào?*

- Giáo viên cần hướng dẫn học sinh phân biệt khu vực chính và phòng chức năng (Khu vực chính bao gồm: khu học tập, khu làm việc, khu vui chơi,... Phòng chức năng bao gồm: phòng học bộ môn, phòng y tế, thư viện, nhà vệ sinh,...).

- Ngoài ra, giáo viên có thể giúp học sinh hiểu thêm về chức năng của các phòng.

3. Hoạt động thực hành và vận dụng:

*** Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được vị trí của các phòng chức năng và một số khu vực trong trường học của mình.

*** Phương pháp, hình thức tổ chức:** **vấn đáp, gợi mở.**

*** Cách tiến hành:**

- Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm 4 theo yêu cầu: *Giới thiệu về tên, địa chỉ và các khu vực chính trong trường của em; kể tên các phòng của trường em đang học.*

- Giáo viên tổ chức cho học sinh đứng trước lớp “Đóng vai “Hướng dẫn viên nhí” để giới thiệu về trường học của em (tên, địa chỉ và các khu vực trong trường).”

- Giáo viên tổ chức cho học sinh tham quan trường để tìm hiểu các phòng chức năng, một số khu vực như sân chơi, vườn trường, bãi tập, sân bóng đá, khu nhà ăn (nếu có),...

- Giáo viên tổ chức cho học sinh xem phim ngắn về trường để giới thiệu đến học sinh.

- Học sinh quan sát tranh, thảo luận để kể tên các khu vực chính và xác định vị trí các phòng chức năng trong trường bạn An.

- Học sinh phân biệt khu vực chính và phòng chức năng (Khu vực chính bao gồm: khu học tập, khu làm việc, khu vui chơi,... Phòng chức năng bao gồm: phòng học bộ môn, phòng y tế, thư viện, nhà vệ sinh,...).

- Học sinh rút ra kết luận: Trường học của bạn An có các phòng học, phòng y tế, thư viện, nhà vệ sinh.



- Học sinh thảo luận

nhóm 4

theo yêu

cầu của giáo viên.

- Học sinh đứng trước lớp “Đóng vai “Hướng dẫn viên nhí” để giới thiệu về trường học của em.

- Học sinh tham quan trường.

- Học sinh xem phim và rút ra kết luận:

4. Hoạt động tiếp nối sau bài học : - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm hiểu thêm hoạt động ở các khu vực chính và chức năng của các phòng trong trường. Vẽ tranh về trường học của em.	Trường học gồm có phòng học, thư viện, phòng y tế, nhà vệ sinh, vườn trường, sân chơi,... - Học sinh về nhà thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên.  Trường học gồm có phòng học, thư viện, phòng y tế, nhà vệ sinh, vườn trường, sân chơi,...
---	---

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa **qu, y** (*cô y sĩ/ y tá, hoa dã quỳ, que kem, con quạ*).

- Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của **qu, y**; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn các từ *quà, y sĩ*. Viết được các chữ **qu, y** và các tiếng, từ có **qu, y** (*quà, y sĩ*). Đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng; đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng mức độ đơn giản. Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ được học có nội dung liên quan với nội dung bài học. **Nói những điều em biết về y bác sĩ thú y qua các hoạt động mở rộng.**

- **Năng lực:** Hình thành năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

- **Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. **Giáo viên:** Thẻ chữ **q-qu, y** (in thường, in hoa, viết thường); một số tranh ảnh minh họa kèm theo thẻ từ (*cô y sĩ/ y tá, hoa dã quỳ, que kem, con quạ*); tranh chủ đề.

2. **Học sinh:** Sách học sinh, vở Tập viết, viết chì, bảng con, ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

TIẾT 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động : * <i>Mục tiêu:</i> Học sinh quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa qu, y (<i>cô y sĩ/ y tá, hoa dã quỳ, que kem, con quạ</i>). * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm. * <i>Cách tiến hành:</i> - Học sinh hát bài “<i>Đội kèn tí hon</i>”. - Giáo viên tổ chức trò chơi “<i>Nhanh như chớp</i>”. Giáo viên yêu cầu học sinh đọc từ ngữ, câu; viết âm chữ, từ; nói câu có từ ngữ có tiếng chứa p, ph.	

- Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, tìm đúng trang của bài học.

- Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có âm đầu **qu, y**.

- Giáo viên yêu cầu học sinh nêu các tiếng có **qu, y** đã tìm được.

- Giáo viên yêu cầu học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa âm **qu, y**).

- Giáo viên giới thiệu bài mới và viết bảng.

- Giáo viên nêu mục tiêu của bài học.

2. Khám phá:

* *Mục tiêu:* Học sinh nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của **qu, y**; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn các từ *quà, y sĩ*. Viết được các chữ **qu, y** và các tiếng, từ có **qu, y** (*quà, y sĩ*).

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.

* *Cách tiến hành:*

a. Nhận diện âm chữ mới:

a.1. Nhận diện âm chữ **qu**:

- Giáo viên gắn thẻ **q-qu** lên bảng.

- Giáo viên giới thiệu chữ **qu**.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc *vầnia*.

a.2. Nhận diện âm chữ **y**:

Tương tự như âm chữ **qu**.

b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng:

b.1. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ **qu**:

- Học sinh

mở sách học sinh trang 64.

- Học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa âm đầu **qu, y** như: *cô y sĩ/ y tá, hoa dã quỳ, que kem, con quạ*.

- Học sinh nêu các tiếng có **qu, y** đã tìm được: *y, quỳ, que, quạ*.

- Học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được có chứa âm **qu, y**. Từ đó, học sinh phát hiện ra **qu, y**.

- Học sinh lắng nghe giáo viên giới thiệu bài, mục tiêu và quan sát chữ ghi tên bài.



- Học sinh quan sát **q-qu**in thường, in hoa.

- Học sinh đọc chữ **qu**.

- Giáo viên gắn mô hình đánh vần tiếng quà lên bảng. - Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích tiếng quà. - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần theo mô hình tiếng quà. <i>b.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ y:</i> Tiến hành tương tự như tiếng có âm chữ qu. c. Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa: <i>c.1. Đánh vần và đọc trơn tiếng khoá, từ khoá quà:</i> - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh từ quà. - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng khóa quà. - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc trơn từ khóa quà. <i>c.2. Đánh vần và đọc trơn tiếng khoá, từ khoá y sĩ:</i> Tiến hành tương tự như tiếng quà.	- Học sinh quan sát mô hình đánh vần tiếng quà. - Học sinh phân tích tiếng quà (gồm âm qu, âm a và <i>thanh huyền</i>). - Học sinh đánh vần: <i>quờ-a-quà-huyền-quà</i>. - Học sinh quan sát từ quà phát hiện âm qu trong tiếng khóa quà. - Học sinh đánh vần: <i>quờ-a-quà-huyền-quà</i>. - Học sinh đọc trơn từ khóa quà.
Nghỉ giữa tiết	
d. Tập viết: <i>d.1. Viết vào bảng con quà, y, y sĩ:</i> - <i>Viết chữ qu:</i> Giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ qu. - <i>Viết chữ quà:</i> Giáo viên viết và phân tích cấu tạo của chữ quà (chữ qu đứng trước, âm a đứng sau, dấu ghi <i>thanh huyền</i> trên chữ a). - <i>Viết chữ y, y sĩ:</i>	- Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ qu. - Học sinh viết chữ qu vào bảng con. - Học sinh nhận xét bài viết của mình, của bạn; sửa lỗi nếu có. - Học sinh quan sát cách giáo viên viết chữ quà. - Học sinh viết chữ quà vào bảng con. - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.

Tiến hành tương tự như viết chữ qu, quả. <i>d.2. Viết vào vở tập viết:</i> - Giáo viên yêu cầu học sinh viết qu, quả, y, y s vào vở Tập viết. - Giáo viên giúp đỡ học sinh yếu.	- Học sinh viết qu, quả, y, y s. - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có, tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.
--	--

TIẾT 2

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn : <i>* Mục tiêu:</i> Học sinh đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng; đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng mức độ đơn giản. Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ được học có nội dung liên quan với nội dung bài học <i>* Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm. <i>* Cách tiến hành:</i> a. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng: - Giáo viên treo các tranh, hướng dẫn học sinh tìm từ có tiếng chứa qu, y. - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa qu, y. - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm nghĩa của các từ mở rộng. - Giáo viên hướng dẫn học sinh nói câu có chứa từ ngữ đã học hoặc <i>tía tô, chả giò, cá lia lia</i>. - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm thêm từ qu, y bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh. - Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu một số từ ngữ có tiếng chứa từ qu, y. b. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng: - Giáo viên đọc mẫu bài đọc ứng dụng. - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.	 quạt  quạ  dã quỳ  quả lê - Học sinh quan sát tranh, tìm từ có tiếng chứa qu, y (<i>quạt, dã quỳ, quạ, quả lê</i>). - Học sinh đánh vần và đọc trơn các từ: <i>quạt, dã quỳ, quạ, quả lê</i>. - Học sinh thảo luận, tìm nghĩa của các từ mở rộng: <i>quạt, dã quỳ, quạ, quả lê</i>. - Học sinh nói trong nhóm, vài học sinh nói trước lớp. - Học sinh tìm thêm từ qu, y bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh. - Học sinh nêu, ví dụ: <i>quả, yêu quý, y tá, ...</i> - Học sinh nghe giáo viên đọc mẫu. - Học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài ứng dụng.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng đoạn ứng dụng. - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghĩa của đoạn ứng dụng: <i>Bé rủ chị đi đâu? Vì sao chị nhắc bé chú ý sự tử?</i>	- Học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng đoạn ứng dụng. - Học sinh trả lời và hiểu được nghĩa của đoạn ứng dụng.
<i>Nghỉ giữa tiết</i>	
4. Hoạt động mở rộng (vận dụng): * <i>Mục tiêu:</i> Học sinh biết nói những điều em biết về y bác sĩ thú y. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh, đặt câu hỏi để gợi ý nội dung tranh: <i>Tranh vẽ những ai? Họ đang làm gì?</i> - Giáo viên hướng dẫn học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng. - Giáo viên gợi ý: <i>Y bác sĩ thú y làm nghề gì? Em đã gặp y bác sĩ thú y chưa? Em có thích nghề chữa bệnh cho các loài vật không? Vì sao?</i> 4. Hoạt động nối tiếp: - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại qu, y. Giáo viên dặn học sinh.	Y sĩ thú y  - Học sinh quan sát tranh và trả lời các câu hỏi của giáo viên và phát hiện được nội dung tranh. - Học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng: Nói những điều em biết về y bác sĩ thú y. - Học sinh nói trong nhóm và trước lớp về những người làm việc ở sở thú/thảo cầm viên; cảm nghĩ của em về những cô chú đó. - Học sinh nhận diện lại qu, y. - Học sinh nắm lại nội dung bài ở giờ tự học. - Học sinh chuẩn bị cho tiết học sau (bài gi).

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :

- **Nắm** được kiến thức về các dấu $=$, $>$, $<$.
- **Nhận biết**, đọc và viết các dấu $=$, $>$, $<$; sử dụng được các dấu $<$, $=$, $>$ để so sánh các số trong phạm vi 5.
- **Năng lực chú trọng**: Tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.
- **Phẩm chất**: Nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: Sách Toán lớp 1; bộ thiết bị dạy toán; bảng phụ, bảng nhóm; **bộ thẻ chữ số và 4 thẻ dấu**; hình vẽ cho phần Thử thách; **5 khối hộp chữ nhật, 5 khối lập phương (phần củng cố)**; ...

2. Học sinh: Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con; ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động: * <i>Mục tiêu</i>: Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức</i>: Trò chơi. * <i>Cách tiến hành</i>: - Giáo viên tổ chức cho học sinh hát bài: “5 ngón tay ngoan”. - Giáo viên cho học sinh nhắc lại các dấu $=$, $<$, $>$. 2. Luyện tập : * <i>Mục tiêu</i>:Giúp học sinh làm tốt các bài tập trong sách học sinh. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức</i>: Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.	- Học sinh hát bài: “5 ngón tay ngoan”. - Học sinh phát biểu.

* *Cách tiến hành:*

a. Bài 1. Nhìn hình và đặt dấu:

- Giáo viên hướng dẫn:
 - + Ô bên trái có mấy chấm tròn? Giáo viên viết 5 lên bảng lớp.
 - + Ô bên phải có mấy chấm tròn? Giáo viên viết 4 lên bảng lớp.
- Giáo viên yêu cầu học sinh sử dụng bảng con:
- Giáo viên giúp học sinh nhận biết: Cần phải viết số chỉ số chấm tròn ở mỗi hình, so sánh hai số vừa viết.
- Giáo viên yêu cầu học sinh, khi làm xong một câu, kiểm tra xem có đúng với câu “Hả họng bên nào bên đó lớn” không?

b. Bài 2. Đặt dấu =, <, >:

- Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh.

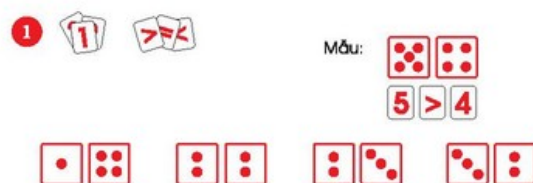


- Giáo viên giải thích: dùng các dấu >, =, < so sánh các cặp số ở mỗi xe.
- Giáo viên gõ song loan, cả lớp đưa bảng để giáo viên kiểm tra, nhận xét.

Mở rộng: giáo dục an toàn giao thông.

a. Bài 1:

- Học sinh nghe hướng dẫn:
- + Học sinh trả lời: 5 chấm tròn.
- + Học sinh trả lời: 4 chấm tròn.
- Học sinh sử dụng bảng con: Dùng dấu >, =, < so sánh 5 và 4 ($5 > 4$). Đọc: 5 lớn hơn 4.
- Học sinh quan sát, lắng nghe.



b. Bài 2:

- Học sinh quan sát tranh.
- Học sinh làm bài trên bảng con.
- Học sinh chơi tiếp sức.

Nghỉ giữa tiết

c. Bài 3. Số?

- Giáo viên yêu cầu học sinh đọc dãy số từ 1 đến 5 và ngược lại.
- Giáo viên đặt vấn đề: 3 lớn hơn những số nào; những số nào lớn hơn 3.
- Giáo viên giúp học sinh hình dung trong dãy số từ 1 đến 5, số 3 đứng sau số nào để tìm những số bé hơn 3 và ngược lại.
- Giáo viên khuyến khích nhiều em nói.

3. Thử thách:

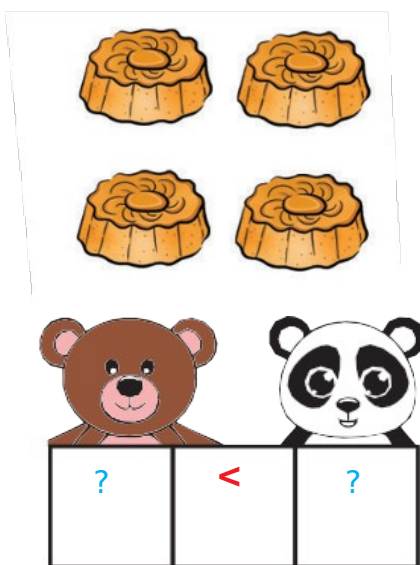
* *Mục tiêu:* Giúp học sinh mở rộng kiến thức về vận dụng các dấu -, <, >.

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* ôn tập, trò chơi.

* *Cách tiến hành:*

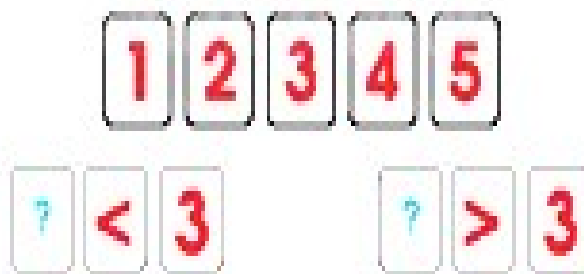
Phân tích mẫu:

- Giáo viên chuẩn bị hình vẽ:



c. Bài 3:

- Học sinh đọc dãy số từ 1 đến 5 và ngược lại.



- 5, số 3 đứng sau số nào để tìm những số bé hơn 3 và ngược lại.

- Học sinh làm rồi trình bày cách làm.

- Học sinh quan sát hình vẽ trên bảng lớp.

- Giáo viên đọc yêu cầu của bài: chia bánh cho anh em Gấu (Gấu Xám và Gấu Trúc).
- Giáo viên chỉ tay vào dấu < và hỏi:
+ Bánh được chia thế nào?
- Giáo viên giải thích: vì số bánh Gấu Xám bé hơn số bánh Gấu Trúc.
- Giáo viên giúp học sinh nhận biết, cần phải tách 4 cái bánh thành hai phần: một phần ít, một phần nhiều.
- Giáo viên tách 4 cái bánh thành hai nhóm: 1 và 3, viết 1 và 3 vào ô trống. Vậy Gấu Xám 1 cái, Gấu Trúc 3 cái.
- Giáo viên khuyến khích học sinh trình bày, giải thích (chú ý vào việc giải thích vì sao phần bánh Gấu Xám ít hơn phần bánh Gấu Trúc).

4. Vận dụng:

* *Mục tiêu:* Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* ôn tập, trò chơi.

* *Cách tiến hành:*

- Giáo viên dùng trò chơi: Ai nhanh hơn? Ví dụ:
- Giáo viên gắn lên bảng lớp hai nhóm: 2 khối lập phương và 5 khối hộp chữ nhật, giáo viên nêu yêu cầu: Dùng các dấu >, =, < so sánh số khối lập phương và khối hộp chữ nhật.
- Giáo viên chọn bảng và khuyến khích học sinh nói.

5. Hoạt động nối tiếp:

+ Học sinh trả lời: phần bánh Gấu Xám ít hơn Gấu Trúc

- Học sinh tự chia, thông báo kết quả.

- Học sinh chia bằng hai cách: 5 gồm 1 và 4
5 gồm 2 và 3.

- Học sinh trình bày, giải thích.

- Học sinh ghi ra bảng con: $2 < 5$ (hoặc $5 > 2$).

- Học sinh nói: 2 khối lập phương ít hơn 5 khối hộp chữ nhật, 2 bé hơn 5 hoặc: 5 khối hộp chữ nhật nhiều hơn 2 khối lập phương, 5 lớn hơn 2.

* <i>Mục tiêu:</i> Tạo điều kiện để phụ huynh kết nối việc học tập của học sinh ở trường và ở nhà, giúp cha mẹ hiểu thêm về con em. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Tự học. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện so sánh các số trong phạm vi 5 cho người thân cùng xem.	Học sinh về nhà thực hiện..
--	------------------------------------

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa **gi** (giá vẽ, cụ già, cái giò).

- Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của **gi**; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn từ *giá vẽ*. Viết được các chữ **gi** và các tiếng, từ có **gi** (giá vẽ). Đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng; đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng mức độ đơn giản. Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ được học có nội dung liên quan với nội dung bài học. **Hỏi – đáp về giấy, giày** (thể thao), giường thông qua các hoạt động mở rộng.

- **Năng lực:** Hình thành năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

- **Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. **Giáo viên:** Thẻ chữ **gi** (in thường, in hoa, viết thường); một số tranh ảnh minh họa kèm theo thẻ từ (*giá vẽ, cụ già, cái giò*); tranh chủ đề.

2. **Học sinh:** Sách học sinh, vở Tập viết, viết chì, bảng con, ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

TIẾT 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động : * <i>Mục tiêu:</i> Học sinh quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa gi (<i>giá vẽ, cụ già, cái giò</i>). * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên tổ chức trò chơi “<i>Truyền điện</i>”. Giáo viên yêu cầu học sinh đọc câu, đoạn; viết âm, chữ, từ ngữ, nói câu có <i>qu, y</i>. - Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, tìm đúng trang của bài học.	

- Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa gi. - Giáo viên yêu cầu học sinh nêu các tiếng tìm được có gi. - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa vần gi). - Giáo viên giới thiệu bài mới và viết bảng. - Giáo viên nêu mục tiêu của bài học. 2 Khám phá: * <i>Mục tiêu:</i> Học sinh nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của gi; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn từ <i>giá vẽ</i>.Viết được các chữ gi và các tiếng, từ có gi(<i>giá vẽ</i>). * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm. * <i>Cách tiến hành:</i> a. Nhận diện âm chữ mới: - Giáo viên gắn thẻ chữ gi lên bảng. - Giáo viên giới thiệu gi. - Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích gi. - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc gi. b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng: - Giáo viên gắn mô hình đánh vần tiếng giá lên bảng. - Giáo viên hướng dẫn học sinh phân tích tiếng giá. - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần theo mô	- Học sinh mở sách học sinh trang 66. - Học sinh quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ có tiếng chứa gi như: <i>giá vẽ, cụ già, cái giỏ</i>. - Học sinh nêu: <i>già, giỏ, giá</i>. - Học sinh tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được có chứa gi. Từ đó, học sinh phát hiện ra gi. - Học sinh lắng nghe giáo viên giới thiệu bài, mục tiêu và quan sát chữ ghi tên bài. - Học sinh quan sát gi. - Học sinh quan sát, phân tích gi(gồm âm g và âm i). - Học sinh đọc gi: <i>dờ (hoặc di)</i>. - Học sinh quan sát mô hình đánh vần tiếng giá. - Học sinh phân tích tiếng giá(gồm âm gi, âm a và thanh sắc). - Học sinh đánh vần: <i>dờ-a-da-sắc-giá</i>.
--	---

hình tiếng giá. c. Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa: - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh từ giá vẽ. - Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần tiếng khóa giá. - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc trơn từ khóa giá vẽ.	Hay: <i>di-a-da-sắc-giá</i> - Học sinh quan sát từ giá vẽ phát hiện tiếng khóa giá và âm gi trong tiếng giá. - Học sinh đánh vần: <i>di-a-da-sắc-giá</i>. - Học sinh đọc trơn từ khóa giá vẽ.
Nghỉ giữa tiết	
d. Tập viết: d.1. Viết vào bảng gi, giá vẽ: - Viết âm gi: Giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của gi.  - Viết từ giá vẽ: Giáo viên viết và phân tích cấu tạo của chữ giá (chữ gi đứng trước, âm a đứng sau, dấu ghi <i>thanh sắc</i> đặt trên chữ a). d.2. Viết vào vở tập viết: - Giáo viên yêu cầu học sinh viết âm gi, từ giá vẽ vào vở Tập viết. - Giáo viên giúp đỡ học sinh yếu.	- Học sinh quan sát cách giáo viên viết và phân tích cấu tạo nét chữ của âm gi: chữ g đứng trước, i đứng sau. - Học sinh viết âm gi vào bảng con. - Học sinh nhận xét bài viết của mình, của bạn; sửa lỗi nếu có. - Học sinh quan sát cách giáo viên viết chữ giá. - Học sinh viết chữ giá vẽ vào bảng con. - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có. - Học sinh viết âm gi, từ giá vẽ. - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có, tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.
TIẾT 2	
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh

3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn :

* *Mục tiêu:* Học sinh đánh vần, đọc trơn, hiểu nghĩa các từ mở rộng; đọc được câu ứng dụng và hiểu nghĩa của câu ứng dụng mức độ đơn giản. Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học có nội dung liên quan với nội dung bài học.

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.

* *Cách tiến hành:*

a. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng:

- Giáo viên treo các tranh, hướng dẫn học sinh tìm từ có tiếng chứa **gi**.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa **gi**.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm nghĩa của các từ mở rộng.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh nói câu có chứa từ ngữ *gió* hoặc *giò lụa*, *cụ già*, *giỏ tre*.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm thêm chữ **gi** bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh nêu một số từ ngữ có tiếng chứa **gi**.

b. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng:

- Giáo viên đọc mẫu bài đọc ứng dụng.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng: *Ai ở quê ra? Ai cho nhà bé giỏ quà to? Giỏ quà có những gì?*



gió



giò lụa



cụ già



giỏ tre

- Học sinh quan sát tranh, tìm từ có tiếng chứa **gi** (*gió*, *giò lụa*, *cụ già*, *giỏ tre*).
- Học sinh đánh vần và đọc trơn các từ: *gió*, *giò lụa*, *cụ già*, *giỏ tre*.
- Học sinh thảo luận, tìm nghĩa của các từ mở rộng: *gió*, *giò lụa*, *cụ già*, *giỏ tre*.
- Học sinh nói trong nhóm, vài học sinh nói trước lớp.
- Học sinh tìm thêm chữ **gi** bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh.
- Học sinh nêu, ví dụ: *gia đình*, *giữ gìn*,...
Bà ở quê ra. Bà cho cả nhà bé giỏ quà to. Quà có giò lụa, khế, lê.

- Học sinh nghe giáo viên đọc mẫu.
- Học sinh tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.
- Học sinh đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.
- Học sinh tìm hiểu nghĩa của bài đọc ứng dụng.

3. Hoạt động mở rộng :

* *Mục tiêu:* Học sinh biết thực hiện hỏi – đáp về giấy, giày (thể thao), giường.

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi.

* *Cách tiến hành:*

- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát tranh, yêu cầu học sinh nói nội dung tranh theo các câu hỏi gợi ý: *Cái gì đây? Dùng để làm gì? Bạn có thích vật đó không?*

- Giáo viên hướng dẫn học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng.

- Giáo viên yêu cầu học sinh nói trong nhóm nhỏ, trước lớp.

4. Hoạt động nối tiếp :

- Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại tiếng, từ có ***gi***.

Giáo viên dặn học sinh.



- Học sinh quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh qua các câu hỏi gợi ý.

- Học sinh xác định yêu cầu của hoạt động mở rộng: Hỏi - đáp về giấy, giày (thể thao), giường.

- Học sinh tham gia nói trong nhóm nhỏ, trước lớp.

- Học sinh nhận diện lại tiếng, từ có ***gi***.

- Học sinh nắm lại nội dung bài ở giờ tự học.

- Học sinh chuẩn bị cho tiết học sau (Thực hành)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Củng cố kiến thức về các âm chữ *p, ph; s, x; qu, y; gi*.
- Kể đúng, đọc đúng các âm chữ *p, ph; s, x; qu, y; gi*. Nhận diện đúng các âm chữ *p, ph; s, x; qu, y; gi* trong tiếng, từ. Đánh vần tiếng có âm chữ mới, tập đọc nhanh tiếng có âm chữ đã học, gia tăng tốc độ đọc trơn bài đọc ứng dụng. Thực hiện được các bài tập luyện tập các âm chữ đã học.

- **Năng lực:** Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.

- **Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết (chữ); rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: Một số thẻ từ, câu; bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành.

2. Học sinh: Sách học sinh, vở Tập viết, vở Bài tập Tiếng Việt tập 1; viết chì, bảng con, ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc : * <i>Mục tiêu:</i> Học sinh kể đúng, đọc đúng các âm chữ <i>p, ph; s, x; qu, y; gi</i>. Nhận diện đúng các âm chữ <i>p, ph; s, x; qu, y; gi</i> trong tiếng, từ. Đánh vần tiếng có âm chữ mới, tập đọc nhanh tiếng có âm chữ đã học, gia tăng tốc độ đọc trơn bài đọc ứng dụng. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên tổ chức trò chơi “<i>Nói nhanh, gọi nhanh</i>”. Giáo viên yêu cầu học sinh đọc câu, đoạn; viết từ ngữ, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần đã học ở bài 4. a. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ: - Giáo viên đọc bài: <i>Bé đi sở thú</i> (vở bài tập Tiếng	

Việt, tập 1, trang 21). - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm và đánh vần các tiếng có âm chữ mới học có trong bài đọc. - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc trơn tiếng, từ chứa vần mới được học trong tuần. b. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc: - Giáo viên đọc mẫu bài đọc: <i>Bé đi sở thú.</i> - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thành tiếng. - Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung bài đọc thông qua các câu hỏi gợi ý: <i>Bé đi đâu? Ai đi sở thú?</i> - Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện bài tập nối về câu. - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận xét, đánh giá bài làm của mình, của bạn.	- Học sinh lắng nghe giáo viên đọc. - Học sinh và tìm các tiếng có âm chữ mới học có trong bài đọc và đánh vần các tiếng đó. - Học sinh đọc trơn tiếng, từ chứa vần mới được học trong tuần. - Học sinh lắng nghe giáo viên đọc mẫu. - Học sinh đọc thành tiếng bài: <i>Bé đi sở thú.</i> - Học sinh tìm hiểu nội dung bài đọc. - Học sinh thực hiện bài tập nối về câu. - Học sinh nhận xét, đánh giá bài làm của mình, của bạn.
Nghỉ giữa tiết	
2. Luyện tập thực hành các âm chữ mới: * <i>Mục tiêu:</i> Học sinh thực hiện được các bài tập luyện tập các âm chữ đã học. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Thực hành nhóm. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát các kí hiệu dùng trong vở bài tập. - Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện bài tập: Nối sơ đồ, nối chữ, chọn từ đúng, điền phụ âm đầu,... trong vở bài tập. - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận xét, đánh giá bài làm của mình, của bạn. 3. Hoạt động nối tiếp : - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại tiếng, từ	- Học sinh quan sát các kí hiệu dùng trong vở bài tập: kí hiệu nối, chọn, điền... - Học sinh thực hiện bài tập trong vở bài tập. - Học sinh nhận xét, đánh giá bài làm của mình, của bạn; tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả. - Học sinh nhận diện lại tiếng, từ có âm chữ

có âm chữ đã học. Giáo viên dặn học sinh.	mà học sinh thường mắc lỗi khi đọc viết. - Học sinh chuẩn bị cho bài mới (Bài <i>Ôn tập và kể chuyện</i>).
--	--

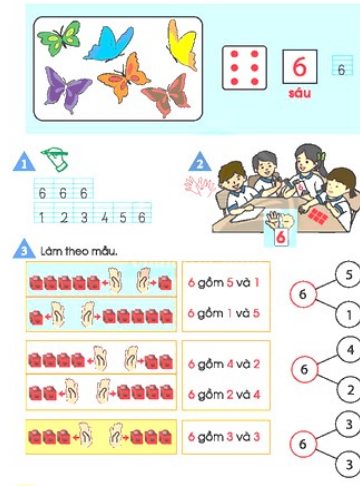
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Biết số 6 và dãy số từ 1 đến 6.
- Đếm, lập số, đọc, viết số 6; nhận biết được thứ tự dãy số từ 1 đến 6; so sánh các số trong phạm vi 6; phân tích, tổng hợp số; vận dụng, phân loại nhóm các đối tượng theo dấu hiệu.
- **Năng lực chú trọng:** Tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện toán học; giao tiếp toán học.
- **Phẩm chất:** Nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. **Giáo viên:** Sách Toán lớp 1; bộ thiết bị dạy toán; bảng phụ, bảng nhóm; 6 khối lập phương, các thẻ chữ số từ 1 đến 6; ...
2. **Học sinh:** Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con; 6 khối lập phương, các thẻ chữ số từ 1 đến 6; ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động: * <i>Mục tiêu:</i> Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động; ôn lại kiến thức cũ. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Trò chơi. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên cho cả lớp chơi trò chơi “Cô bảo”, để tạo nhóm 5, chẳng hạn: 5 bạn nam (hoặc nữ); 5 bạn đeo kính; 5 bạn kẹp tóc; ... 2. Khám phá : * <i>Mục tiêu:</i> Giúp học sinh đếm, lập số, đọc, viết số 6; nhận biết được thứ tự dãy số từ 1 đến 6; so sánh các số trong phạm vi 6; phân tích, tổng hợp số; vận dụng, phân loại nhóm các đối tượng theo dấu hiệu. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm. * <i>Cách tiến hành:</i> 2.1. Giới thiệu số 6: a. <i>Lập số:</i> - Giáo viên hướng dẫn học sinh đếm bướm và đếm chấm tròn.	- Học sinh cả lớp thực hiện trò chơi.  - Học sinh đếm bướm: có 6 con bướm và có 6 chấm tròn. - Học sinh quan sát, lắng nghe.

- Giáo viên nói: Có 6 con bướm, có 6 chấm tròn, ta có số 6.

b. Đọc, viết số 6:

- Giáo viên giới thiệu: số 6 được viết bởi chữ số 6 – đọc là: “sáu”.

2.2. Thực hành đếm, lập số:

- Giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng ngón tay để đếm, lập số.

- Giáo viên vỗ tay lần lượt từ 1 tới 6 cái (bật từng ngón tay, lưu ý khi đã đến 5 thì sẽ đổi tay như sách học sinh trang 38).

- Học sinh đọc và viết số 6 vào bảng con.

- Học sinh sử dụng ngón tay để đếm, lập số.

- Học sinh bật ngón tay lần lượt từ 1 tới 6 ngón, vừa bật ngón tay vừa đếm: một, hai, ...

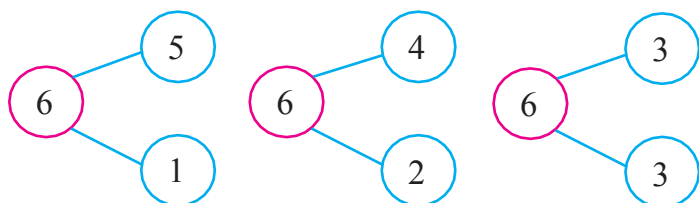
Nghỉ giữa tiết

3. Thực hành Tách – gộp 6:

- Giáo viên hướng dẫn học sinh để 6 khối lập phương trên bàn.

- Giáo viên ra hiệu lệnh.

- Giáo viên hệ thống lại: đặt 3 bảng con của học sinh trên bảng lớp.



4. Vận dụng:

* *Mục tiêu:* Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* ôn tập, trò chơi.

* *Cách tiến hành:*

- Giáo viên tổ chức trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng?”:

5. Hoạt động nối tiếp:

- Học sinh để 6 khối lập phương trên bàn.

- Học sinh tách 6 khối lập phương thành hai phần bất kì.

- Học sinh viết trường hợp tách của mình vào sơ đồ tách – gộp số trên bảng con.

- Học sinh trình bày (đưa bảng con, nói câu tạo số. Ví dụ: 6 gồm 5 và 1).

- Học sinh đọc thành thạo các sơ đồ tách – gộp 6 (mỗi sơ đồ đọc 4 cách).



- Học sinh đọc, viết các số từ 1 đến 6 và ngược lại.

* <i>Mục tiêu:</i> Tạo điều kiện để phụ huynh kết nối việc học tập của học sinh ở trường và ở nhà, giúp cha mẹ hiểu thêm về con em. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Tự học. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên hướng dẫn học sinh nói cách lập số 6, đọc, viết các số từ 1 đến 6 cho người thân cùng xem.	- Học sinh thực hiện ở nhà.
--	------------------------------------

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Củng cố được các âm *p, ph, s, x, qu, y, gi*.
- Nhận diện được *p, ph, s, x, qu, y, gi*. Sử dụng được các âm chữ đã học trong tuần để tạo tiếng mới. Đánh vần đồng thanh và bước đầu đọc trơn bài đọc. Thực hiện đúng các bài tập chính tả. Viết đúng cụm từ ứng dụng, rèn luyện việc viết nổi thuận lợi và không thuận lợi.

- **Năng lực:** Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.

- **Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết (chữ); rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: Thẻ các chữ *p, ph, s, x, qu, y, gi*. Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật dùng minh hoạ kèm theo thẻ từ; bảng phụ dùng ghi các nội dung rèn chính tả cho *ng/ngh*; bảng cài và chữ cái.

2. Học sinh: Sách học sinh, vở Tập viết, viết chì, bảng con, ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

TIẾT 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Ôn tập các âm chữ được học trong tuần: * <i>Mục tiêu:</i> Học sinh nhận diện được <i>p, ph, s, x, qu, y, gi</i>. Sử dụng được các âm chữ đã học trong tuần để tạo tiếng mới. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm đôi. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên tổ chức trò chơi “<i>Ai tìm sự tử, cá sấu nhanh nhất?</i>” có cài đặt một số từ ngữ có âm chữ được học và có liên quan đến chủ đề <i>Đi sở thú</i>. Học sinh đọc, viết âm chữ được học ở bài 4; đọc từ, câu ứng dụng ở bài 4.	 - Học sinh mở sách học sinh trang 68.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh mở sách, tìm đúng trang của bài học. - Giáo viên giới thiệu bài Ôn tập và viết bảng. - Giáo viên nêu mục tiêu của bài học. - Giáo viên gắn các thẻ hình. - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm từ ngữ có tiếng chứa các âm chữ <i>p, ph, s, x, q-qu, y, gi</i>. - Giáo viên yêu cầu học sinh nói câu có từ ngữ có tiếng chứa âm chữ vừa được học trong tuần. - Giáo viên hướng dẫn học sinh hiểu nghĩa các tiếng vừa đọc bằng hình ảnh, động tác hoặc bằng cách đặt trong cụm từ/câu. - Giáo viên gắn bảng ghép các âm <i>p-a-pa, p-ô-pô, p-ê-pê, p-y-py; qu-a-qu, qu-ê-quê, qu-y-ry; ...</i> và yêu cầu học sinh đánh vần các chữ được ghép. - Giáo viên gắn bảng ghép các chữ được ghép: <i>sa-huyền- sà, sa-sắc-sá, sa-nặng-sạ, sa-hỏi-sả; sa-ngã-sã; quy-huyền-quy, quy-sắc-quý, quy-nặng- quy, quy-hỏi-quỷ; quy-ngã-quỹ</i> yêu cầu học sinh đánh vần đọc các chữ được ghép. - Giáo viên giúp học sinh hiểu nghĩa các tiếng vừa đọc bằng hình ảnh hoặc bằng động tác hoặc bằng cách đặt trong cụm từ/câu.	- Học sinh lắng nghe. - Học sinh lắng nghe mục tiêu của bài học. - Học sinh quan sát các hình ảnh kèm các chữ cái, trao đổi và nhắc lại các âm chữ đã được học trong tuần. - Học sinh tìm một số từ ngữ có tiếng chứa <i>p, ph, s, x, q-qu, y, gi</i> vừa học trong tuần. - Học sinh nói câu có từ ngữ có tiếng chứa âm chữ vừa được học trong tuần. - Học sinh quan sát giáo viên để hiểu nghĩa các tiếng vừa đọc. - Học sinh quan sát bảng ghép các âm <i>p-a-pa, p-ô-pô, p-ê-pê, p-y-py; qu-a-qu, qu-ê-quê, qu-y-ry; ...</i> và đánh vần, đọc các chữ được ghép. - Học sinh quan sát bảng ghép chữ và thanh, đánh vần đọc các chữ được ghép: <i>sa-huyền- sà, sa-sắc-sá, sa-nặng-sạ, sa-hỏi-sả; sa-ngã-sã; quy-huyền-quy, quy-sắc-quý, quy-nặng- quy, quy-hỏi-quỷ; quy-ngã-quỹ</i> - Học sinh hiểu nghĩa các tiếng vừa đọc bằng hình ảnh hoặc bằng động tác hoặc bằng cách đặt trong cụm từ/câu.
Nghỉ giữa tiết	

2. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc :

* *Mục tiêu:* Học sinh đánh vần đồng thanh và bước đầu đọc trơn bài đọc. Thực hiện đúng các bài tập chính tả. Viết đúng cụm từ ứng dụng, rèn luyện việc viết nổi thuận lợi và không thuận lợi.

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.

* *Cách tiến hành:*

- Giáo viên đọc mẫu bài đọc.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm các tiếng có âm chữ mới được học trong tuần, đánh vần các tiếng đó.
- Giáo viên yêu cầu học sinh đọc trơn tiếng/ từ chứa âm chữ mới được học trong tuần.
- Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thành tiếng bài đọc.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung bài đọc bằng các câu hỏi gợi ý:
 - + Về nhà, bé vẽ gì?
 - + Chị vẽ gì?

	a	ô	ê	y
p	pa			
ph				
s				
x				
qu				
gi				

	à	ô	ê	ý	~
sa	sà				
quy					

- Học sinh nghe giáo viên đọc mẫu.
- Học sinh tìm các tiếng có âm chữ mới được học trong tuần, đánh vần các tiếng đó.
- Học sinh đọc trơn tiếng/ từ chứa âm chữ mới được học trong tuần: *p, ph, s, x, qu, gi.*
- Học sinh nhìn bảng phụ, đọc thành tiếng bài đọc.
- Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi của giáo viên, qua đó, hiểu được nội dung bài đọc.

TIẾT 2

Hoạt động của giáo viên

3. Tập viết và chính tả :

- * *Mục tiêu:* Học sinh viết đúng cụm từ ứng dụng.
- * *Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thực hành.
- * *Cách tiến hành:*

a. Viết cụm từ ứng dụng:

- Giáo viên hướng dẫn học sinh đánh vần, đọc trơn cụm từ ứng dụng: *đi sở thú.*

Hoạt động của học sinh



- Học sinh đánh vần, đọc trơn cụm từ ứng dụng: *đi sở thú.*

- Giáo viên treo tranh, yêu cầu học sinh nhìn tranh minh họa và đọc lại danh sách âm chữ đã học. - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện từ có chứa âm chữ được học trong tuần: <i>s</i>. - Giáo viên viết mẫu và phân tích hình thức chữ viết của từng từ: <i>đi, sở, thú</i>. - Giáo viên yêu cầu học sinh viết cụm từ ứng dụng “<i>đi sở thú</i>” vào vở. - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có. b. Bài tập chính tả: - Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện bài tập chính tả vào vở bài tập. - Giáo viên hướng dẫn học sinh tự kiểm tra bài làm, tự đánh giá, sửa lỗi nếu mắc lỗi.  Về nhà, bé vẽ quạ, ngựa, sư tử. Chị vẽ phố, pa nô, cô y sĩ và giỏ quà to.	- Học sinh nhìn tranh minh họa và đọc lại danh sách âm chữ đã học. - Học sinh nhận diện từ có chứa âm chữ được học trong tuần: <i>s</i>. - Học sinh quan sát cách giáo viên viết. - Học sinh viết cụm từ ứng dụng vào vở. - Học sinh nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có. - Học sinh thực hiện bài tập chính tả vào vở bài tập. - Học sinh kiểm tra bài làm, tự đánh giá bài của mình (theo hướng dẫn của giáo viên), sửa lỗi nếu mắc lỗi. - Học sinh chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình.
Nghỉ giữa tiết	
4. Hoạt động mở rộng: * <i>Mục tiêu:</i> Giúp học sinh mở rộng vốn từ và phát triển lời nói về chủ đề “<i>Đi sở thú</i>”; rèn luyện về âm lời nói cho âm <i>s, ph, qu, ...</i> * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm, trò chơi. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên gợi ý, hướng dẫn học sinh nói về chủ đề <i>Đi sở thú</i>. - Giáo viên tích hợp thêm nội dung rèn luyện về âm lời nói cho âm <i>s, ph, qu, ...</i>	- Học sinh nghe giáo viên gợi ý. - Học sinh thực hiện yêu cầu. - Học sinh nói âm có <i>s, ph, qu, ...</i>

- Giáo viên tổ chức cho học sinh thi gọi tên nhanh các vật: <i>Con gì đây? Nó thường ở đâu? Hãy nói cho tôi về con vật đó?</i> 5. Hoạt động nói tiếp: - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận diện lại tiếng/ từ chứa âm, vần chữ vừa được ôn tập. Giáo viên dặn học sinh.	- Học sinh tham gia. - Học sinh nhận diện lại tiếng/ từ chứa âm, vần chữ vừa được ôn tập, lưu ý thêm ở cách viết các tiếng có <i>p, ph, s, x, qu, gi</i>. - Học sinh nắm lại nội dung đọc, viết ở giờ tự học. - Học sinh chuẩn bị cho tiết học sau (kể chuyện <i>Khỉ và sư tử</i>).
---	---

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Hiểu được truyện “*Khi và sư tử*”.
- Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Khi và sư tử*, tên chủ đề *Đi sở thú* và tranh minh hoạ. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh hoạ và câu gợi ý dưới tranh. Trả lời câu hỏi về nội dung bài học và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân. Sử dụng âm lượng, ánh mắt, giọng nói phù hợp với từng đoạn của câu chuyện khi kể.

- **Năng lực:** Biết sử dụng âm lượng, ánh mắt, giọng nói phù hợp với từng đoạn của câu chuyện khi kể.

- **Phẩm chất:** Biết tin yêu và noi theo những hành động dũng cảm vì người khác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. **Giáo viên:** Tranh minh hoạ truyện phóng to; nội dung câu chuyện và câu hỏi.

2. **Học sinh:** Sách học sinh, tìm hiểu trước về câu chuyện sẽ học, ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Luyện tập nghe và nói: * <i>Mục tiêu:</i> Học sinh phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện <i>Khi và sư tử</i>, tên chủ đề <i>Đi sở thú</i> và tranh minh hoạ. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm đôi. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên gọi vài học sinh thực hiện các yêu cầu: Nhắc lại cách kể chuyện đã học trong tuần trước (ví dụ: sử dụng âm lượng, đánh giá nhân vật bằng hình ảnh); tên câu chuyện đã học ở tuần trước là gì? Câu chuyện kể về những ai? Em thích nhân vật/ tình tiết nào nhất? Vì sao? - Giáo viên treo tranh minh hoạ truyện “<i>Khi và sư tử</i>”. - Giáo viên yêu cầu học sinh đánh vần và đọc trơn tên truyện <i>Khi và sư tử</i>. - Giáo viên yêu cầu học sinh dựa vào tranh minh hoạ, phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện theo các câu hỏi gợi ý: <i>Tranh vẽ có những con gì? Con</i>	Mỗi ngày, sư tử bắt một con thú nhỏ để ăn thịt. Khi đến muộn, sư tử tức giận. - Học sinh quan sát tranh. - Học sinh đánh vần và đọc trơn tên truyện <i>Khi và sư tử</i>. - Học sinh thảo luận cặp đôi với bạn cùng trả lời các câu hỏi và bàn về nội dung câu chuyện.

gì xuất hiện nhiều nhất? Câu chuyện diễn ra ở những chỗ nào? Có những chuyện gì xảy ra với nhân vật Sư tử? - Giáo viên dùng tên truyện và tranh minh hoạ để giới thiệu bài mới.	- Học sinh nghe giáo viên giới thiệu bài mới và mục tiêu bài học.
Nghỉ giữa tiết	
2. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện: * <i>Mục tiêu:</i> Học sinh kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh hoạ và câu gợi ý dưới tranh. Trả lời câu hỏi về nội dung bài học và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Kể chuyện nhóm, cá nhân. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên treo tranh và kể mẫu lần 1 toàn bộ câu chuyện. - Giáo viên yêu cầu học sinh liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. - Giáo viên kể mẫu lần 2 từng đoạn câu chuyện. - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. - Giáo viên sử dụng câu chủ đề đoạn dưới mỗi bức tranh để giúp học sinh ghi nhớ nội dung từng đoạn truyện. - Giáo viên yêu cầu học sinh kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ (âm lượng đủ nghe trong nhóm). - Giáo viên yêu cầu nhóm học sinh kể tiếp nối theo diễn biến câu chuyện trước lớp (với âm lượng kể trước cả lớp). - Giáo viên nhắc học sinh tư thế, ánh mắt, cử chỉ, gương mặt khi ngồi nghe bạn kể. - Giáo viên yêu cầu học sinh nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện: <i>Khi là một con vật như thế nào? Sư tử là con vật như thế nào? Con thích nhân vật nào?</i>	 - Học sinh nghe kể đồng thời quan sát tranh. - Học sinh tự liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. - Học sinh nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. - Học sinh quan sát và ghi nhớ nội dung từng đoạn truyện; - Học sinh kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ. - Các nhóm học sinh kể tiếp nối theo diễn biến câu chuyện trước lớp. - Học sinh tự chú ý về tư thế, ánh mắt, cử chỉ, gương mặt khi ngồi nghe bạn kể. - Học sinh trả lời các câu hỏi gợi ý của giáo viên để nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện (ở mức độ đơn giản).

3. Hoạt động nối tiếp : - Giáo viên yêu cầu học sinh nhắc lại tên truyện, số lượng các nhân vật, nhân vật yêu thích. Giáo viên dặn học sinh.	- Học sinh nhắc lại tên truyện, số lượng các nhân vật, nhân vật yêu thích. - Học sinh đọc, kể lại truyện cho người thân cùng nghe; chuẩn bị chủ đề <i>Thể thao</i>.
--	---

TRƯỜNG HỌC

BÀI 6: TRƯỜNG HỌC CỦA EM (tiết 2, sách học sinh, trang 30-31)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Như tiết 1, tuần 6.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. **Giáo viên:** Sách Tự nhiên và Xã hội; tranh ảnh hoặc đoạn phim ngắn về quang cảnh, các khu vực, phòng ban của trường học, một số bộ trang phục: áo dài, trang phục y tế,...

2. **Học sinh:** Sách học sinh, vở bài tập; ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động * <i>Mục tiêu:</i> Tạo hứng thú và gợi nhớ lại nội dung học của tiết học trước. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Trò chơi. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên bắt nhịp cho học sinh cùng hát bài hát “Em yêu trường em” (Nhạc sĩ: Hoàng Vân) và hỏi: Trong bài hát có những ai? - Giáo viên dẫn dắt vào tiết 2 của bài học. 2. Hoạt động khám phá: 2.1. Hoạt động 1. Các thành viên trong nhà trường và nhiệm vụ của họ * <i>Mục tiêu:</i> Giúp học sinh biết được các thành viên trong nhà trường và nhiệm vụ của các thành viên đó. * <i>Phương pháp, hình thức tổ chức:</i> Trực quan, Đàm thoại, gợi mở - vấn đáp, thảo luận nhóm. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh và trả lời câu hỏi: + Trường học của An có những ai? + Công việc của mỗi thành viên trong trường là gì?..	- Học sinh hát và trả lời câu hỏi.  - Học sinh quan sát tranh và trả lời: Thầy hiệu trưởng: Quản lý, tổ chức và giám sát các hoạt động của trường. Cô giáo: Giảng dạy, quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức. Cô y tá: Chăm sóc sức khỏe cho học sinh. Cô phụ trách thư viện: Quản lý, tổ chức các hoạt động

- Giáo viên hướng dẫn học sinh liên hệ thực tế tại trường học của mình “Hãy kể về các thành viên trong trường của em.”.

3. Luyện tập thực hành và vận dụng:

* *Mục tiêu:* Giúp học sinh biết thể hiện tình cảm, thái độ và ứng xử phù hợp với các thành viên trong trường.

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* **Trực quan, Đàm thoại, gợi mở - vấn đáp, thảo luận nhóm.**

* *Cách tiến hành:*

- Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát, tìm hiểu về nội dung các tranh trong sách học sinh trang 31 để trả lời câu hỏi “*Em có nhận xét gì về cách ứng xử của các bạn trong tranh dưới đây?*”.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu hành vi của từng nhân vật trong tranh.



- Giáo viên hướng dẫn học sinh liên hệ thực tế và trả lời câu hỏi “*Em ứng xử như thế nào với mọi người trong trường?*”.

- Giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành các hành vi trên thông qua những tình huống thực tế trên lớp, kết hợp giáo dục học sinh biết cách thể hiện tình

động đọc sách ở thư viện và phụ trách về số lượng, các loại sách của thư viện. Chú bảo vệ: Trông coi trường học, đảm bảo an toàn cho học sinh. Cô phục vụ: Có nhiệm vụ quét dọn để trường học luôn sạch đẹp,...

- Học sinh thảo luận nhóm đôi để tìm hiểu và trình bày về công việc của các thành viên trong trường, rút ra kết luận: Mỗi thành viên trong nhà trường có một nhiệm vụ riêng.



- Học sinh quan sát, tìm hiểu về nội dung các tranh trong sách học sinh trang 31 để trả lời câu hỏi.

- Học sinh tìm hiểu hành vi của từng nhân vật trong tranh: Bạn An khoanh tay lễ phép chào bác bảo vệ. Bạn nam nhận sách từ thầy giáo bằng hai tay và nói lời cảm ơn, hai bạn đang ngồi trên ghế đá trò chuyện vui vẻ. Ba bạn nam chơi đá cầu với nhau rất vui vẻ, các bạn thân thiện, chan hoà. Một bạn nam xin lỗi cô lao công vì đã xả rác bừa bãi.

- Học sinh liên hệ thực tế và trả lời câu hỏi.

- Học sinh thực hành các hành vi trên thông qua những tình huống thực tế trên lớp và rút

cảm, thái độ phù hợp với các thành viên trong trường. 4. Hoạt động tiếp nối sau bài học (2-3 phút): - Giáo viên yêu cầu học sinh hãy kể với các bạn và thầy cô về những hoạt động mà em cùng tham gia với các thành viên trong nhà trường. Em yêu thích thành viên nào nhất trong trường? Vì sao?	ra kết luận: Em lễ phép với thầy cô, nhân viên trong trường và vui vẻ với bạn bè. - Học sinh tập đọc các từ khoá của bài: “Thầy cô - Bạn bè - Lễ phép - Vui vẻ”. - Học sinh thực hiện theo yêu cầu 
---	---

CHỦ ĐỀ 2: MỘT NGÀY CỦA EM (4 TIẾT)

TIẾT 2: MỖI NGÀY Ở TRƯỜNG CỦA EM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Về năng lực:

- Hình thành được một số thói quen, nếp sống sinh hoạt và kỹ năng tự phục vụ.
- Thực hiện được một số việc tự chăm sóc bản thân phù hợp với lứa tuổi.
- Nêu được những hành động an toàn, không an toàn khi vui chơi và thực hiện được một số hành vi tự bảo vệ.
- Tham gia tích cực, chia sẻ và hỗ trợ bạn trong hoạt động.
- Đánh giá hoạt động của bản thân, nhóm, lớp.
- Thể hiện tình yêu thương đối với các thành viên trong gia đình, với thầy cô, bạn bè bằng lời nói, việc làm phù hợp với lứa tuổi.
- Biết tham gia giữ gìn nhà cửa gọn gàng, trường lớp sạch đẹp.
- Nhận biết được thế nào là môi trường xung quanh sạch đẹp và chưa sạch đẹp.
- Thực hiện được một số việc làm phù hợp với lứa tuổi để giữ gìn môi trường xung quanh sạch đẹp khi học tập, sinh hoạt, vui chơi ở nhà, ở trường.

2. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ, có nền nếp trong học tập, sinh hoạt hằng ngày.
- Biết chọn lọc những việc cần làm và những việc không nên làm trong học tập, sinh hoạt.
- Ý thức trách nhiệm trong việc tự chăm sóc bản thân, giữ an toàn cho bản thân trong sinh hoạt, học tập.
- Biết yêu quý, tôn trọng bản thân, bạn bè.
- Trung thực trong tự đánh giá bản thân và đánh giá bạn bè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: Bảng phụ, giấy A3, giấy bìa màu, bút chì, bút màu, thước kẻ, hồ dán, ... tranh, hình ảnh, miếng dán; ...

2. Học sinh: Sách học sinh, vở bài tập; bút chì, màu vẽ; ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động:	

* *Mục tiêu:* giúp thu hút sự quan tâm của học sinh vào bài học, khai thác những điều em đã học, đã biết trước đây, giới thiệu bài mới và tạo hứng khởi cho học sinh đối với nội dung mới.

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trò chơi.

* *Cách tiến hành:*

- Giáo viên cử một bạn làm quản trò. Quản trò hô “Kết đoàn! Kết đoàn!”, người chơi hỏi “Kết mấy? Kết mấy?”, quản trò trả lời “Kết bốn”, người chơi nhanh chóng nắm tay nhau thành 4 người, những bạn không kết được nhóm 4 sẽ chọn ra một người làm quản trò và tiếp tục cuộc chơi.

- Thông qua trò chơi, giáo viên dẫn dắt học sinh vào bài học:

+ Có những bài học nào rút ra từ trò chơi này?

+ Nếu em nói chuyện riêng, mất tập trung trong lúc chơi thì sẽ ra sao?

+ Nếu ở lớp, lúc thầy cô giảng bài mà em nói chuyện riêng thì sẽ thế nào?

- Giáo viên giới thiệu bài.

2. Hoạt động khám phá:

* *Mục tiêu:* Giúp học sinh nêu tên môn học và các đồ dùng học tập, môn học yêu thích; những việc nên làm và không nên làm.

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thảo luận nhóm, đàm thoại, vấn đáp, trực quan.

* *Cách tiến hành:*

a. Kể tên môn học và các đồ dùng học tập. Em thích môn học nào?

- Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cặp đôi, kể tên những môn học bằng hình thức trò chơi “Truy bài”.

- Giáo viên tổ chức cho học sinh lập nhóm 4, kể tên các đồ dùng học tập bằng hình thức trò chơi “Đổi đáp nhanh”.

- Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân, nêu tên môn học mà mình yêu thích, chia sẻ lí do vì sao.



- Học sinh trả lời: chú ý lắng nghe, nhanh nhẹn, đoàn kết, tuân thủ luật chơi, ...

- Học sinh trả lời: làm sai.

- Học sinh trả lời: không hiểu bài.

- Học sinh lắng nghe.

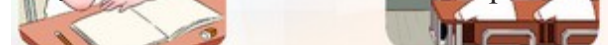
a. Kể tên các môn học và các đồ dùng học tập.



- Bạn thứ nhất kể tên 1 môn học và đưa sách học ra, bạn còn lại nhắc lại tên môn học đó và nêu tên môn học khác; thực hiện tương tự cho đến hết.

- Nhóm 4 chia làm 2 đội, đội A nêu tên 1 đồ dùng, đội B lập tức cầm đồ dùng đó lên và nêu tên đồ dùng khác; trò chơi thực hiện tương tự cho đến hết.

- Học sinh chia sẻ cá nhân trước lớp.



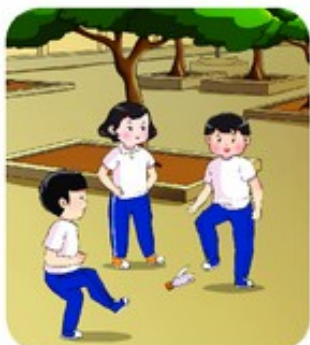
- Giáo viên yêu cầu học sinh cặp đôi kiểm tra đồ dùng học tập cho các môn học ngày hôm nay.
- Giáo viên dùng phiếu học tập để học sinh làm.

Môn học	Đồ dùng học tập
Tiếng Việt	Thước kẻ
Toán	Bút chì
Đạo đức	Sách
Giáo dục thể chất	Vở
Tự nhiên và Xã hội	Bút màu
Âm nhạc	Que tính
Mĩ thuật	Gôm (tẩy)
Hoạt động trải nghiệm	Giấy thủ công
Tiếng Anh	Hồ dán

- Giáo viên yêu cầu học sinh gắn hình ngôi sao vào môn học mà mình yêu thích.

b. Việc nào nên làm, việc nào không nên làm (trong giờ học, giờ ra chơi)?

- Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm 4 về những việc nên làm và không nên làm trong giờ học và khi ra chơi.
- Giáo viên nhận xét, góp ý.



đang học tập cho từng buổi học.

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thực hành, trực quan, sáng tạo cá nhân.

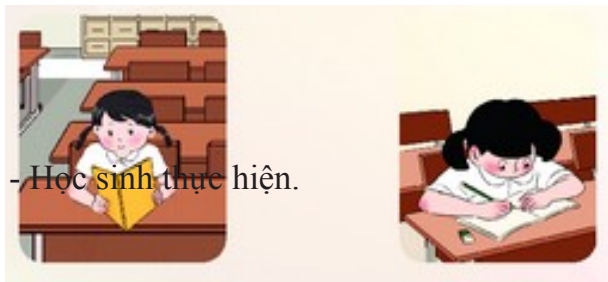
* *Cách tiến hành:*

a. Soạn sách vở theo thời khóa biểu:

- Giáo viên làm quản trò, yêu cầu học sinh thực hiện trò chơi tiếp sức.
- Giáo viên gợi ý để học sinh soạn sách vở theo thời khóa biểu của buổi học hôm nay.

b. Soạn đồ dùng học tập cần thiết cho mỗi môn học:

- Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện trò chơi



- Học sinh thực hiện.

- Học sinh thảo luận nhóm 4 về những việc nên làm và không nên làm trong giờ học và khi ra chơi.
- Đại diện nhóm phát biểu và giải thích vì sao nên làm và không nên làm.
- Học sinh nhận xét, góp ý bạn mình.



- Học sinh tiếp sức nêu tên các môn học của một ngày trong tuần.
- Học sinh thực hiện.

- Học sinh nêu tên môn học, bạn kế bên đưa các đồ dùng cho môn học đó lên, ...

như hoạt động trên.

- Giáo viên nêu câu hỏi:

+ Khi nghe tiếng trống báo hiệu giờ chơi, các em làm gì?

+ Khi nghe tiếng trống báo hiệu giờ tan trường, các em làm gì?

4. Hoạt động mở rộng:

* *Mục tiêu:* Giúp học sinh thực hiện một số trò chơi.

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thực hành, trực quan, nhóm.

* *Cách tiến hành:*

- Giáo viên yêu cầu học sinh nêu tên một số trò chơi em thường được chơi ở trường và cho biết em thích trò chơi nào? Vì sao? Trò chơi ấy có lợi ích gì?

- Giáo viên tổ chức cho học sinh cùng chơi một trò chơi các em tự chọn.

- Giáo viên nhắc học sinh chơi như thế nào để được vui hơn, tốt hơn.

5. Đánh giá:

* *Mục tiêu:* Giúp học sinh tự đánh giá mình và đánh giá bạn.

* *Phương pháp, hình thức tổ chức:* Thực hành.

* *Cách tiến hành:*

Giáo viên đánh giá học sinh và hướng dẫn học sinh tự đánh giá mình, đánh giá bạn qua phiếu:

Nội dung	Tốt 	Đạt 	Cần cố gắng 
Mức độ tích cực học tập của HS			
Khả năng trình bày của HS			
Kĩ năng làm việc nhóm của HS			
HS biết được những việc nên làm ở trường			
HS tự chuẩn bị được sách vở, đồ dùng học tập theo thời khóa biểu.			

- Học sinh đóng vai thực hiện.

- Học sinh đóng vai thực hiện.



- Học sinh nêu và giải thích.

- Học sinh cùng chơi trò chơi.



Học sinh tự đánh giá mình và đánh giá bạn qua phiếu đánh giá.

TIẾT	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
1	Sinh hoạt dưới cờ	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Thể dục	Tiếng Việt
2	Toán	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Mĩ thuật	Tiếng Việt
RA CHƠI					
3	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Hoạt động trải nghiệm
4	Tiếng Việt	Tự nhiên và Xã hội	Toán	Tiếng Việt	Âm nhạc
5	Đạo đức	Tiếng Anh	Tự nhiên và Xã hội	Toán	Sinh hoạt lớp

BÀI: TRANG TRÍ THỜI KHÓA BIỂU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Rèn luyện một số kỹ năng cần thiết cho học sinh trong học tập và đời sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- có).

- 2. Học sinh:** Bản tự nhận xét, đánh giá của cá nhân, nhóm, lớp; ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động * <i>Mục tiêu:</i> Giúp tạo hưng phấn cho học sinh. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên cử một bạn làm quản trò. Quản trò hô “Kết đoàn! Kết đoàn!”, người chơi hỏi “Kết mấy? Kết mấy?”, quản trò trả lời “Kết bốn”, người chơi nhanh chóng nắm tay nhau thành 4 người, những bạn không kết được nhóm 4 sẽ chọn ra một người làm quản trò và tiếp tục cuộc chơi. 2. Đánh giá tình hình của lớp * <i>Mục tiêu:</i> Giúp học sinh tự nhận xét, đánh giá tình hình của lớp trong tuần qua. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên yêu cầu lớp trưởng (chủ tịch Hội đồng tự quản) lên điều khiển.	- Học sinh tham gia trò chơi. - Lớp trưởng yêu cầu từng tổ trưởng nhận xét, đánh giá và báo cáo kết quả học tập, sinh hoạt của tổ trong tuần qua. - Lớp trưởng yêu cầu các lớp phó lên nhận xét, đánh giá tình hình học tập, lao động, kỉ luật, phong trào, ... của lớp mình trong tuần qua.

- Giáo viên khen ngợi, động viên những việc làm tốt, gương tốt mà lớp đã thực hiện, đồng thời nhắc nhở, rút kinh nghiệm đối với những bạn chưa làm tốt. 3. Giải pháp cho tình hình thực tế * <i>Mục tiêu:</i> Giúp học sinh nhận ra các hành vi chưa đúng trong tuần qua và đề ra biện pháp khắc phục. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên sử dụng bộ 4 câu hỏi để giúp học sinh nhận ra các hành vi chưa đúng trong tuần qua và đề ra biện pháp khắc phục: + Em mong muốn lớp của mình là lớp học như thế nào? + Tuần qua, mỗi em (nhóm, lớp) đã làm gì? + Những gì em đã làm có giúp em đạt được mong muốn như trên không? + Em cần làm gì để có được lớp học như em mong muốn? 4. Thông tin quan trọng * <i>Mục tiêu:</i> Giáo viên thông báo, nhắc nhở những điều cần thiết, giúp học sinh chuẩn bị cho tuần sau. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên thông báo nhắc nhở những việc làm cần chuẩn bị cho tuần sau: về học tập, phong trào Đội, ... 5. Hoạt động kết nối * <i>Mục tiêu:</i> Giúp rèn luyện các kỹ năng, phẩm chất cần thiết cho học sinh: làm việc nhóm, hợp tác. * <i>Cách tiến hành:</i> - Giáo viên yêu cầu học sinh chia nhóm và phân công nhiệm vụ.	- Lớp trưởng nhận xét chung kết quả học tập, rèn luyện của lớp. - Học sinh hưởng ứng. - Học sinh thảo luận, cho ý kiến. - Học sinh tự nhìn nhận những việc đã qua, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, bạn bè, nhóm, lớp. - Học sinh thảo luận, suy nghĩ và trả lời. - Học sinh thảo luận, cùng đề ra hành động và cam kết. - Học sinh lắng nghe, thực hiện. - Mỗi nhóm thực hiện trang trí thời khóa biểu cho nhóm mình: tô màu, cắt giấy, dán, vẽ, ...
--	---

- Giáo viên yêu cầu học sinh làm vệ sinh lớp học.	- Học sinh thu dọn sạch sẽ, gọn gàng sau khi làm xong.
--	---